

Bản án số: 11/2019/DS-ST

Ngày 27-8-2019

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng,
hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG - TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Cư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Dương Thị Quyên.
2. Lương Thị Anh Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Minh Hậu – Kiểm sát viên.

Vào các ngày 06-8-2019 và ngày 27-8-2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 112/2018/TLST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2019/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2019/QĐST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng.

Địa chỉ: số 108, Trần Hưng Đạo, quận Hoàng Kiếm, TP.Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Văn T, chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật.

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Văn T là ông Dư Minh T. Địa chỉ: Số 87, Phường 1, TP.Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp là người đại diện theo ủy quyền (Theo văn bản ủy quyền số 221/UQ-HDQT-NHCT18 ngày 14-3-2017 có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Anh Võ Văn T, sinh năm 1971 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đ.

2.2. Chị Phạm Thị Thu Đ, sinh năm 1974 (Vắng mặt lần 2 không có lý do).

HKTT: Số, đường Lê Anh X, phường 2, TP.C, tỉnh Đ.

Chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Võ Phạm Trúc L, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đ.

Người đại diện hợp pháp của Trúc L là anh Võ Văn T, sinh năm 1971, địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đ là người đại diện theo ủy quyền (Theo văn bản ủy quyền ngày 13-8-2018).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm ông Dur Minh T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Vào ngày 10-5-2016 anh Võ Văn T có vay vốn của Ngân hàng với số tiền gốc: 1.200.000.000đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng) theo hợp đồng tín dụng số 16.10.0043/2016-HĐTD/NHCT720 hạn trả cuối vào ngày 05-5-2017 (Tuy trong hợp đồng ghi số tiền vay gốc là 1.300.000.000đồng nhưng Ngân hàng mới chỉ giải ngân cho anh T 1.200.000.000đồng).

Đồng thời, anh Võ Văn T, chị Phạm Thị Thu Đ (vợ của anh T) và Võ Phạm Trúc L (con của anh T) có ký 02 hợp đồng thế chấp QSDĐ để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng nêu trên:

+ Hợp đồng thế chấp QSDĐ số 16.10.0043/TC ngày 04-5-2016 được đăng ký vào ngày 11-5-2016. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất gồm:

1/ Diện tích: 22.143m², thuộc các thửa 77, 86, 238, 242 và 404 tờ bản đồ số 03, 04 tọa lạc tại ấp Tân Bảnh, xã Tân Phước, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp đã được UBND huyện Tân Hồng cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho hộ ông Võ Văn T vào ngày 29-01-2015, mục đích sử dụng: chuyên trồng lúa nước.

2/ Diện tích: 13.584m², thuộc các thửa 260, 280, 300 và 334 tờ bản đồ số 04 tọa lạc tại ấp Tân Bảnh, xã Tân Phước, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp đã được UBND huyện Tân Hồng cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho hộ ông Võ Văn T vào ngày 29-01-2015, mục đích sử dụng: chuyên trồng lúa nước.

3/ Diện tích: 1.968,9m², thuộc thửa 357 tờ bản đồ số 04 tọa lạc tại ấp Tân

Bánh, xã Tân Phước, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp đã được UBND huyện Tân Hồng cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho hộ ông Võ Văn T vào ngày 16-10-2015, mục đích sử dụng: chuyên trồng lúa nước.

4/ Diện tích: 2.425,1m², thuộc thửa 377 tờ bản đồ số 04 tọa lạc tại ấp Tân Bánh, xã Tân Phước, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp đã được UBND huyện Tân Hồng cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho hộ ông Võ Văn T vào ngày 16-10-2015, mục đích sử dụng: chuyên trồng lúa nước.

5/ Diện tích: 1.244,6m², thuộc thửa 367 tờ bản đồ số 04 tọa lạc tại ấp Tân Bánh, xã Tân Phước, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp đã được UBND huyện Tân Hồng cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho hộ ông Võ Văn T vào ngày 06-11-2015, mục đích sử dụng: chuyên trồng lúa nước.

+ Hợp đồng thế chấp QSDĐ số 16.10.0044/TC ngày 04-5-2016 được đăng ký vào ngày 11-5-2016. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, diện tích: 9.450m², thuộc thửa 1756 tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp Chiến Thắng, xã Tân Thành A, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp đã được UBND huyện Tân Hồng cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho ông Võ Văn T vào ngày 17-12-2015.

Do phía anh T và chị Đ để nợ quá hạn (vi phạm hợp đồng vay) nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu phía anh Võ Văn T, chị Phạm Thị Thu Đ và Võ Phạm Trúc L có nghĩa vụ liên đới trả tiền vay gốc 1.200.000.000đồng và tiền lãi tính từ ngày 05-5-2017 đến ngày 27-8-2019 là 295.633.613đồng và phải tiếp tục chịu lãi theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong số nợ vay gốc trên.

Trong trường hợp phía anh T, chị Đ và Trúc L không có khả năng trả nợ vay gốc và lãi nêu trên thì Ngân hàng yêu cầu xử lý 02 hợp đồng thế chấp QSDĐ số 16.10.0044/TC ngày 04-5-2016 và số 16.10.0043/TC ngày 04-5-2016 để đảm bảo thu hồi nợ cho Ngân hàng. Ngân hàng cam đoan tài sản thế chấp mà Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định vào ngày 04-4-2019 là đúng theo như biên bản xem xét, thẩm định. Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự không phải vụ án kinh doanh thương mại, vì: Ngân hàng cho vay theo hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp QSDĐ nêu trên là giữa Ngân hàng với cá nhân anh T, chị Đ và Trúc L không phải là hộ đăng ký kinh doanh của anh T; còn mục đích vay thì theo hợp đồng tín dụng là để mua bán lúa gạo là nhằm việc Ngân hàng giải ngân số tiền vay cho khách hàng cao hơn so với việc giải ngân đối với các mục đích vay khác như: vay tiêu dùng, vay chăn nuôi, trồng lúa,....

- Theo lời trình bày của anh Võ Văn T và đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của Võ Phạm Trúc L: Qua ý kiến của phía đại diện Ngân hàng, thì anh T thừa nhận có vay vốn của Ngân hàng.

Nay anh T và Võ Phạm Trúc L thống nhất liên đới cùng chị Đ trả số tiền còn thiếu gốc là 1.200.000.000đồng và tiền lãi theo yêu cầu của Ngân hàng, nhưng anh T ý kiến xin Ngân hàng giảm bớt lãi vì hoàn cảnh khó khăn nên chưa trả số nợ vay trên cho Ngân hàng. Đối với 02 hợp đồng thế chấp QSDĐ như phía Ngân hàng yêu cầu thì anh T đồng ý để Ngân hàng kê biên bán đấu giá tài sản thế chấp để đảm bảo thu hồi nợ cho Ngân hàng. Anh T cam đoan tài sản thế chấp mà Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định vào ngày 04-4-2019 là đúng theo như biên bản xem xét thẩm định, sau khi hợp đồng thuê đất giữa chị Đ với ông Ngăn và ông Hoàng đã mãn vào ngày 11-7-2019 thì cho đến nay anh T không thực hiện bất kỳ giao dịch dân sự nào khác, hiện nay anh T đang quản lý, sử dụng các phần diện tích đất nêu trên.

Ngoài ra, anh T thống nhất với yêu cầu và ý kiến của Ngân hàng cho rằng vụ việc tranh chấp hôm nay là vụ việc dân sự không phải vụ việc kinh doanh thương mại. Anh T thừa nhận: hợp đồng tín dụng nêu trên là giữa Ngân hàng với cá nhân anh T, chị Đ và Trúc L không phải là hộ đăng ký kinh doanh của anh T; đối với mục đích vay để mua bán lúa gạo là nhằm vay được số tiền nhiều hơn so với các mục đích vay khác và anh T thừa nhận sau khi được Ngân hàng giải ngân thì anh đã sử dụng số tiền vay vào việc trả nợ bên ngoài và tiêu dùng khác không sử dụng vào hoạt động mua bán lúa gạo, vì thời điểm này hộ kinh doanh của anh không còn hoạt động.

- Ý kiến của chị Phạm Thị Thu Đ có trong hồ sơ vụ án (Theo Biên bản ghi lời khai của chị Đ vào ngày 13-8-2018): Thừa nhận có nợ số tiền vay theo đúng như trong đơn khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu, chị Đ thừa nhận vụ việc tranh chấp hôm nay là vụ việc dân sự không phải vụ việc kinh doanh thương mại, thống nhất theo ý kiến của Ngân hàng. Nhưng chị Đ yêu cầu cho chị một thời gian để chị trả nợ cho Ngân hàng.

- Ý kiến đại diện Viện kiểm sát: Tại Công văn số 04/YC-VKS-DS ngày 30-7-2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng yêu cầu Tòa án thu thập, bổ sung chứng cứ sau:

+ Xác nhận của Cơ quan có thẩm quyền đối với hộ của anh Võ Văn T và Phạm Thị Thu Đ có đăng ký kinh doanh hay không? Nếu có thì còn hoạt động hay không? Để xác định loại kiện theo quy định.

+ Xác nhận của Cơ quan có thẩm quyền vào thời điểm cấp các giấy chứng nhận QSDĐ cho hộ anh Võ Văn T, từ tháng 01/2015 đến tháng 11/2015 thì trong hộ anh T gồm có những ai, ghi rõ họ tên, năm sinh.

+ Đưa vào tham gia tố tụng những người trong hộ anh Võ Văn T với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, trong đó có Võ Phạm Trúc M.

+ Xác định rõ họ tên Võ Phạm Trúc L hay là Võ Trúc L.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng dân sự là đúng quy định. Về việc giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Tuy nhiên, việc xác minh thu thập chứng cứ chưa đầy đủ theo quy định pháp luật.

+ Về nội dung: Chưa đủ cơ sở giải quyết vụ án do thiếu những chứng cứ mà Viện kiểm sát đã yêu cầu Tòa án thu thập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật Hội đồng xét xử xét thấy, Qua yêu cầu của Ngân hàng và ý kiến của bị đơn đều thừa nhận vụ việc tranh chấp là hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp QSDĐ không phải vụ việc kinh doanh thương mại, bởi vì theo hợp đồng tín dụng số 16.10.0043/2016-HĐTD/NHCT720 ngày 10-5-2016 giữa Ngân hàng với anh Võ Văn T đã ký là quan hệ dân sự giữa Ngân hàng với khách hàng là cá nhân không phải hộ kinh doanh. Do đó, Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng theo quy định tại Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm bị đơn chị Phạm Thị Thu Đ đã được tổng đạt, triệu tập hợp lệ mà vẫn cố tình vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Phạm Thị Thu Đ là đúng theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Ngân hàng yêu cầu anh Võ Văn T, chị Phạm Thị Thu Đ và Võ Phạm Trúc L trả số tiền vay gốc 1.200.000.000đồng và tiền lãi tính từ ngày 05-5-2017 đến ngày 27-8-2019 là 295.633.613đồng và phải tiếp tục chịu lãi theo hợp đồng tín dụng số 16.10.0043/2016-HĐTD/NHCT720 ngày 10-5-2016 cho đến khi thi

hành án xong số nợ vay gốc trên. Đồng thời, xử lý 02 hợp đồng thế chấp QSDĐ số 16.10.0044/TC ngày 04-5-2016 và số 16.10.0043/TC ngày 04-5-2016 giữa Ngân hàng với anh T, chị Đ và Trúc L. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hợp đồng tín dụng số 16.10.0043/2016-HĐTD/NHCT720 ngày 10-5-2016 đã được các bên ký kết đúng theo quy định của pháp luật, là hợp đồng vay có bảo đảm bằng tài sản thế chấp, trong đó quy định rõ ngày đến hạn thanh toán, khoản vay và tại phiên tòa sơ thẩm đã được anh T đồng thời là người đại diện hợp pháp của Trúc L thống nhất, thừa nhận. Về lãi suất: Ngân hàng yêu cầu tính lãi theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết tính từ ngày 05-5-2017 đến ngày 27-8-2019 và lãi phát sinh đến khi thanh toán xong cho Ngân hàng. Hội đồng xét xử xét thấy, theo quy định tại Điều 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017) thì khi các bên ký kết hợp đồng có thỏa thuận về lãi suất và lãi suất đó được quy định cụ thể trong hợp đồng tín dụng, anh T đều thống nhất. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất công nhận hợp đồng tín dụng nêu trên giữa Ngân hàng với anh Võ Văn T, chị Phạm Thị Thu Đ và Võ Phạm Trúc L là hợp pháp.

Từ nhận định trên, nên chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng. Buộc anh Võ Văn T, chị Phạm Thị Thu Đ và Võ Phạm Trúc L thanh toán cho Ngân hàng tiền vay gốc là 1.200.000.000đồng, tiền lãi tính từ ngày 05-5-2017 đến ngày 27-8-2019 là 295.633.613đồng và lãi phát sinh tính từ ngày 28-8-2019 đến khi thanh toán xong cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số 16.10.0043/2016-HĐTD/NHCT720 ngày 10-5-2016.

[2.2] Về hợp đồng thế chấp QSDĐ số 16.10.0044/TC ngày 04-5-2016 và hợp đồng thế chấp QSDĐ số 16.10.0043/TC ngày 04-5-2016 giữa Ngân hàng với anh T, chị Đ và Trúc L. Hội đồng xét xử nhận thấy: Qua ý kiến của anh T và đồng thời là người đại diện của Trúc L là thống nhất, thừa nhận vào ngày 11-7-2019 hợp đồng thuê đất giữa chị Đ với ông Ngăn và ông Hoàng đã mãn, đến thời điểm tại phiên tòa sơ thẩm anh T không thực hiện bất kỳ giao dịch dân sự nào khác, hiện nay anh T đang quản lý, sử dụng tất cả phần diện tích đất. Do đó, anh T đồng ý theo yêu cầu của Ngân hàng đối với các tài sản thế chấp gồm: 1/ Diện tích: 22.143m², thuộc các thửa 77, 86, 238, 242 và 404 tờ bản đồ số 03, 04 tọa lạc tại ấp Tân Bảnh, xã Tân Phước, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp đã được UBND huyện Tân Hồng cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho hộ ông Võ Văn T vào ngày 29-01-2015, mục đích sử dụng: chuyên trồng lúa nước.

2/ Diện tích: 13.584m², thuộc các thửa 260, 280, 300 và 334 tờ bản đồ số 04 tọa lạc tại ấp Tân Bảnh, xã Tân Phước, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp đã được UBND huyện Tân Hồng cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho hộ ông Võ Văn T vào ngày 29-01-2015, mục đích sử dụng: chuyên trồng lúa nước.

3/ Diện tích: 1.968,9m², thuộc thửa 357 tờ bản đồ số 04 tọa lạc tại ấp Tân Bảnh, xã Tân Phước, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp đã được UBND huyện Tân Hồng cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho hộ ông Võ Văn T vào ngày 16-10-2015, mục đích sử dụng: chuyên trồng lúa nước.

4/ Diện tích: 2.425,1m², thuộc thửa 377 tờ bản đồ số 04 tọa lạc tại ấp Tân Bảnh, xã Tân Phước, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp đã được UBND huyện Tân Hồng cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho hộ ông Võ Văn T vào ngày 16-10-2015, mục đích sử dụng: chuyên trồng lúa nước.

5/ Diện tích: 1.244,6m², thuộc thửa 367 tờ bản đồ số 04 tọa lạc tại ấp Tân Bảnh, xã Tân Phước, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp đã được UBND huyện Tân Hồng cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho hộ ông Võ Văn T vào ngày 06-11-2015, mục đích sử dụng: chuyên trồng lúa nước.

6/ Diện tích: 9.450m², thuộc thửa 1756 tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp Chiến Thắng, xã Tân Thành A, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp đã được UBND huyện Tân Hồng cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho ông Võ Văn T vào ngày 17-12-2015, theo quy định tại khoản 1 Điều 299, 318, 320, 323 và 351 Bộ luật dân sự năm 2015 là có cơ sở, do đó Hội đồng xét xử công nhận hợp đồng thế chấp QSDĐ số 16.10.0044/TC ngày 04-5-2016 và hợp đồng thế chấp QSDĐ số 16.10.0043/TC ngày 04-5-2016 giữa Ngân hàng với anh T, chị Đ và Trúc L.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc đương sự nộp như sau:

Do chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng nên buộc anh Võ Văn T, chị Phạm Thị Thu Đ và Võ Phạm Trúc L liên đới nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 56.869.000đồng.

[3] Hội đồng xét xử xét lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

[3.1] Tại Công văn số 04/YC-VKS-DS ngày 30-7-2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng:

- Yêu cầu xác nhận của Cơ quan có thẩm quyền đối với hộ của ông Võ Văn T và Phạm Thị Thu Đ có đăng ký kinh doanh hay không? Nếu có thì còn hoạt động hay không? Để xác định loại kiện theo quy định. Hội đồng xét xử xét thấy, theo hợp đồng tín dụng số 16.10.0043/2016-HĐTD/NHCT720 ngày 10-5-2016 giữa Ngân hàng với anh Võ Văn T đã ký và qua lời khai của các đương sự tại phiên tòa sơ thẩm đều thống nhất, thừa nhận việc ký kết hợp đồng tín dụng nêu trên là giữa Ngân hàng với khách hàng vay là cá nhân không phải hộ kinh doanh và các đương sự đều thừa nhận đã sử dụng số tiền vay không phải vào hoạt

động kinh doanh mua bán gạo mà vào mục đích tiêu dùng khác, Tuy Công văn cung cấp thông tin số 1066/TCKH-HC ngày 31-7-2019 của Phòng Tài chính kế hoạch huyện Tân Hồng xác định từ ngày 29-4-2016 đến ngày 31-7-2019 anh Võ Văn T chưa đăng ký chấm dứt hoạt động kinh doanh nhưng tại phiên tòa sơ thẩm anh T thừa nhận sau khi hợp đồng tín dụng ký kết và được Ngân hàng giải ngân thì hộ kinh doanh Võ Văn T mà anh là người đại diện không còn hoạt động còn về mặt thủ tục pháp lý của hộ kinh doanh Võ Văn T thì anh chưa đăng ký chấm dứt vì anh nghĩ đã không còn hoạt động thì coi như đã chấm dứt nên không đi đăng ký chấm dứt hoạt động kinh doanh cho đến nay.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ việc tranh chấp là tranh chấp hợp đồng dân sự.

- Yêu cầu xác nhận của Cơ quan có thẩm quyền vào thời điểm cấp các giấy chứng nhận QSDĐ cho hộ anh Võ Văn T, từ tháng 01/2015 đến tháng 11/2015 thì trong hộ anh T gồm có những ai, ghi rõ họ tên năm sinh và yêu cầu đưa vào tham gia tố tụng những người trong hộ anh Võ Văn T với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, trong đó có Võ Phạm Trúc M, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Do phía anh T, chị Đ và Trúc L vi phạm hợp đồng tín dụng số 16.10.0043/2016-HĐTD/NHCT720 ngày 10-5-2016 nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Võ Văn T, chị Phạm Thị Thu Đ và Võ Phạm Trúc L trả nợ vay cho Ngân hàng. Cho nên, vụ việc tranh chấp trong vụ án giải quyết là tranh chấp hợp đồng tín dụng, Hội đồng xét xử xem xét tính hợp pháp của hợp đồng tín dụng còn đối với hợp đồng thế chấp QSDĐ là hợp đồng bảo đảm để thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng. Do đó, quan hệ pháp luật giải quyết vụ việc không phải tranh chấp quyền sử dụng đất nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết tài sản thế chấp là của hộ hay cá nhân. Đồng thời, theo 02 hợp đồng thế chấp QSDĐ nêu trên thì Võ Phạm Trúc M không có ký kết vào hợp đồng, mặt khác qua lời khai của anh T thì tài sản thế chấp nêu trên là của anh T và chị Thu Đ tạo lập nên, không có công sức đóng góp của Võ Phạm Trúc M (Vì Trúc M vào thời điểm năm 2015 mới được 9 tuổi). Vì vậy, Hội đồng xét xử xét yêu cầu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là không chấp nhận.

- Yêu cầu xác định rõ họ tên Võ Phạm Trúc L hay là Võ Trúc L, Hội đồng xét xử căn cứ tại công văn số 02/CV-CAX ngày 01-8-2019 của Công an xã An Phước, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp và tại phiên tòa sơ thẩm anh Võ Văn T cung cấp giấy khai sinh đều xác định họ tên là Võ Phạm Trúc L, sinh năm 2000.

- Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Do đại diện Viện kiểm sát yêu cầu việc xác minh thu thập chứng cứ chưa đầy đủ theo quy định

pháp luật nhưng không viện dẫn cụ thể nội dung cần thu thập xác minh thêm, đồng thời chưa phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án do thiếu những chứng cứ mà Viện kiểm sát yêu cầu nên Hội đồng xét xử chưa đủ cơ sở nhận định ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 91, 92, 147, 227, 228, 271 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 292, 299, 318, 320, 323 và 351 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất.

[1.1] Buộc anh Võ Văn T, chị Phạm Thị Thu Đ và Võ Phạm Trúc L có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 1.200.000.000đồng và tiền lãi tính từ ngày 05-5-2017 đến ngày 27-8-2019 là 295.633.613đồng theo hợp đồng tín dụng số 16.10.0043/2016-HĐTD/NHCT720 ngày 10-5-2016 do các bên xác lập. Như vậy, tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 1.495.633.613đồng (Một tỷ bốn trăm chín mươi lăm triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn sáu trăm mười ba đồng), anh Võ Văn T, chị Phạm Thị Thu Đ và Võ Phạm Trúc L còn phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng theo mức lãi các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nêu trên tính từ ngày 28-8-2019 trên số nợ gốc cho đến khi thanh toán nợ xong.

[1.2] Công nhận hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 16.10.0044/TC ngày 04-5-2016 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 16.10.0043/TC ngày 04-5-2016 giữa Ngân hàng với anh T, chị Đ và Trúc L.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc anh Võ Văn T, chị Phạm Thị Thu Đ và Võ Phạm Trúc L phải nộp số tiền 56.869.000đồng (Năm mươi sáu triệu tám trăm sáu mươi chín nghìn đồng).

- Ngân hàng không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền 26.756.000đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số BG/2015: 0001920 ngày 06 tháng 7 năm 2018 (do anh Nguyễn Thành T nộp thay) của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng.

Đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 27-8-2019). Riêng chị Phạm Thị Thu Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- Chi cục THADS huyện Tân Hồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Cư